TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2025/DS-PT
Ngày 03/6/2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Việt Dũng
Các Thẩm phán: Bà Mai Vương Thảo
Ông Trần Hoài Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Huỳnh Mạnh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/5 và ngày 03/6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 236/2024/DSPT ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc: :*"Tranh chấp hợp đồng vay tiền"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 203/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 204/TB-TA ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thanh N - Sinh năm 1964 - Địa chỉ: 467B đường C, Phường 13, Quận 0, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Ngọc T - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. *(Theo Giấy ủy quyền số công chứng: 000790 ngày 18/10/2023 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Trường Thịnh)*. (Có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Tôn Thất Bảo M - sinh năm 1983 - Địa chỉ: K49/2 đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và bà Dương Kiều O - Sinh năm 1982 - Địa

chỉ: 23 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Bà O vắng mặt; ngày 27/5/2025 ông M có mặt, ngày 03/6/2025 ông M vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Ông Phạm Văn T1 - Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Nguyễn. (ngày 27/5/2025 có mặt, ngày 03/6/2025 vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O, là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh N trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên bà Huỳnh Thị Thanh N đã cho vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O vay số tiền tổng cộng là 6.678.000.000 đồng, không tính lãi. Hợp đồng vay tiền được lập và công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Vân C - Thành phố Hồ Chí Minh theo số công chứng 4930, quyển số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/5/2022. Thời hạn vay tiền tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 09/6/2022. Sau đó, ông Tôn Thất Bảo M đã trả được số tiền tổng cộng là 1.440.000.000 đồng và còn nợ số tiền 5.238.000.000 đồng. Mặc dù bà Huỳnh Thị Thanh N nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu nhưng ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà Huỳnh Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O phải trả các khoản tiền cụ thể như sau: Tiền gốc còn nợ là 5.238.000.000 đồng, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất 6,5%/năm (tính từ ngày 10/6/2022 đến ngày 31/10/2024) là 862.553.918 đồng; tổng số tiền phải trả là 6.100.553.918 đồng.

** Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/02/2024, bị đơn ông Tôn Thất Bảo M trình bày:*

Ông Tôn Thất Bảo M và bà Huỳnh Thị Thanh N là bạn bè quen biết qua làm ăn chung với nhau. Do cần tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân trong vài tuần nên ông Tôn Thất Bảo M có hỏi mượn tiền của bà Huỳnh Thị Thanh N. Để bà Huỳnh Thị Thanh N tin tưởng và có cơ sở giao tiền sau này nên bà Huỳnh Thị Thanh N đề xuất hai bên ký hợp đồng có công chứng trước, rồi sau đó mới giao tiền. Vì thời gian vay ngắn nên hai bên thống nhất sẽ không tính tiền lãi. Ngày 27/5/2022, ông Tôn Thất Bảo M và bà Huỳnh Thị Thanh N đã ký Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Vân C - Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ký kết hợp đồng vay tiền, bà Huỳnh Thị Thanh N có hẹn sẽ thu xếp tiền, khi nào có thì bà Huỳnh Thị Thanh N sẽ

chuyển khoản cho ông Tôn Thất Bảo M. Thực tế sau khi ký hợp đồng và cho đến thời điểm hiện nay, bà Huỳnh Thị Thanh N chưa giao cho ông Tôn Thất Bảo M bất kỳ số tiền nào. Việc bà Huỳnh Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ông Tôn Thất Bảo M phải trả lại tiền cho vay là hoàn toàn không có thực. Mặt khác, bà Huỳnh Thị Thanh N yêu cầu ông Tôn Thất Bảo M trả lại số tiền 5.238.000.000 đồng trong khi số tiền nợ gốc theo hợp đồng vay là 6.678.000.000 đồng. Điều này có nghĩa là bà Huỳnh Thị Thanh N cho rằng ông Tôn Thất Bảo M đã trả được một phần nợ gốc. Tuy nhiên trên thực tế, ông Tôn Thất Bảo M chưa nhận được tiền vay nên không thể có việc trả tiền cho bà Huỳnh Thị Thanh N.

* Bà Dương Kiều O không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh N.

Tại Bản trình bày ý kiến đề ngày 24/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O trình bày:

Vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O thống nhất xác nhận đã nhiều lần vay tiền của bà Huỳnh Thị Thanh N để làm ăn. Tuy nhiên, việc vay mượn tiền giữa các bên đã được thanh toán đầy đủ, không còn nghĩa vụ gì đối với nhau.

Ngày 22/3/2022, vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M có vay bà Huỳnh Thị Thanh N số tiền 2.500.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay, bà Huỳnh Thị Thanh N yêu cầu vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M phải ký hợp đồng ủy quyền nhà đất tại địa chỉ 74/42 đường T, Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Huỳnh Thị Thanh N. Đến hạn do vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M không trả được nợ nên các bên thỏa thuận cấn trừ nợ bằng Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nói trên với giá 11.000.000.000 đồng. Vì nhà đất của vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M đang thế chấp tại Ngân hàng với số dư nợ 8.443.827.496 đồng nên bà Huỳnh Thị Thanh N phải chuyển vào tài khoản của ông Tôn Thất Bảo M số tiền này để tất toán khoản vay. Do bà Huỳnh Thị Thanh N nói với vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M là mình chỉ có số tiền 1.822.000.000 đồng nên vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M phải lập thêm cho bà Huỳnh Thị Thanh N khoản nợ 6.678.000.000 đồng bằng Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2022, để bà Huỳnh Thị Thanh N dùng hợp đồng này vay tiền người khác. Bà Huỳnh Thị Thanh N nói việc ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất và ký hợp đồng vay tiền chỉ để làm tin, sau này vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M trả được số nợ 2.500.000.000 đồng thì bà Huỳnh Thị Thanh N sẽ chuyển trả lại nhà đất nói trên. Vì tin tưởng vào mối quan hệ quen biết lâu năm nên vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M mới ký hợp đồng vay tiền chứ thực tế không nhận khoản tiền này bằng bất kỳ hình thức nào. Các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chuyển tiền cho vay của bà Huỳnh Thị Thanh N không khớp, không phù hợp để đưa ra con số chốt nợ 6.678.000.000 đồng như hợp đồng vay tiền. Giao dịch giữa các bên chỉ là giả tạo,

hoàn toàn không có việc giao nhận tiền vay và chốt nợ từ nhiều khoản vay khác nên không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thanh N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh N xác định khoản tiền cho vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2022, thực chất việc các bên chốt lại các khoản nợ và tiền làm ăn chung với nhau trong thời gian trước đó. Đối với ý kiến của vợ chồng ông Tôn Thất Bảo M cho rằng khoản tiền nợ theo hợp đồng vay tiền là không có thật và đã được cấn trừ vào tiền nhận chuyển nhượng đất là hoàn toàn không đúng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là hoàn toàn độc lập, đã được thực hiện xong, không có tranh chấp và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền còn nợ là 5.238.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 862.553.918 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O không xác nhận có quan hệ làm ăn chung với bà Huỳnh Thị Thanh N và các khoản vay của bà Huỳnh Thị Thanh N có trả tiền lãi. Tại Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2022, các bên đã thỏa thuận "*Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện sau khi ký hợp đồng này"*. Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị Thanh N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao số tiền cho vay theo hợp đồng; không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh hợp đồng vay tiền mà các bên đã ký là việc chốt lại các khoản nợ trước đó. Hiện nay ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng vay tiền và đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh N.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Tranh chấp hợp đồng vay tiền"* của bà Huỳnh Thị Thanh N đối với ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O.

Xử:

1. Buộc ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O phải trả cho bà Huỳnh Thị Thanh N số tiền là 6.100.553.918 đồng (tiền gốc là 5.238.000.000 đồng, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 862.553.918 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Dành quyền khởi kiện cho các bên liên quan bằng một vụ án khác nếu có tranh chấp đối với Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở số công chứng 4928, quyển số: 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/5/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Vân C - Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí: Buộc ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 114.100.553 đồng. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.891.376 đồng theo Biên lai thu số: 0000009 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm Bị đơn ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ là Vi bằng số 78/2025/VB-TPLTN và Vi bằng số 79/2025/VB-TPLTN cùng ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Văn phòng Thừa phát lại Thống Nhất thể hiện nội dung tin nhắn giữa ông Tôn Thất Bảo M và bà Huỳnh Thị Thanh N.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tôn Thất Bảo M giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do sau khi ký Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2022 thì các bên không có việc giao nhận tiền với nhau.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O và sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O và giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai bà Dương Kiều O đến tham gia tố tụng tại phiên toà nhưng bà Dương Kiều O có Đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Dương Kiều O.

*** Về nội dung:**

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Kiều O có đơn xin xét xử vắng mặt còn ông Tôn Thất Bảo M giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Xét kháng cáo của ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O thì thấy:

[3] Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thanh N về việc buộc ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O trả số tiền vay theo hợp đồng là 5.238.000.000 đồng:

[3.1] Ngày 27/5/2022 bà Huỳnh Thị Thanh N với ông Tôn Thất Bảo M, bà Dương Kiều O có ký Hợp đồng vay tiền. Theo hợp đồng đã ký thì bà Huỳnh Thị Thanh N cho ông Tôn Thất Bảo M, bà Dương Kiều O vay số tiền 6.678.000.000 đồng, Hợp đồng được lập thành văn bản và có xác nhận của Cơ quan Công chứng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng đã thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật đối với bên tham gia quan hệ hợp đồng kể từ thời điểm ký kết.

[3.2] Tại Điều 1 của Hợp đồng vay tiền các bên có thỏa thuận "*Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện sau khi ký hợp đồng này và ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên".* Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự cùng xác định sau khi ký Hợp đồng vay tiền thì các bên không có việc giao nhận số tiền vay theo hợp đồng; bà N xác

định số tiền 6.678.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền là chốt nợ của các lần ông M và bà O vay mượn trước đó; còn ông M và bà O cũng không có ý kiến phản đối mà cho rằng đã trả hết số nợ trên, do vậy HĐXX cần xem xét giải quyết luôn đối với số tiền này là phù hợp pháp luật và triệt để vụ án.

[3.3] Theo bà Ngọc trình bày thì từ năm 2021 bà N nhiều lần cho ông M và bà O vay tiền, tính đến ngày 27/5/2022 ông M và bà O còn nợ bà N số tiền là 6.678.000.000 đồng, từ sau ngày 27/5/2022 đến tháng 4/2023 ông M và bà O trả được số tiền 1.440.000.000 đồng. Do vậy, bà N yêu cầu ông M và bà O phải trả số tiền còn lại là 5.238.000.000 đồng.

Ông M và bà O xác nhận từ năm 2021 có vay nhiều lần của bà N với tổng số tiền 8.500.000.000 đồng và cũng từ thời gian đó đến tháng 4/2023 ông M và bà O đã trả nợ nhiều lần cho bà N với số tiền 6.020.000.000 đồng và cấn trừ tiền chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ 74/42 đường T, Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 2.500.000.000 đồng. Như vậy, ông M và bà O đã trả hết số nợ đã vay của bà N.

[3.4] Xét lời trình bày của các bên đương sự thì thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự cùng xác định sau khi ký Hợp đồng vay tiền thì bà N không giao cho ông M và bà O số tiền vay theo hợp đồng là 6.678.000.000 đồng mà thực chất số tiền đó là chốt nợ của các lần vay mượn trước đó. Theo ông M trình bày thì ông M và bà O ký Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2022 với số tiền 6.678.000.000 đồng chỉ với mục đích để bà N đi vay tiền của người khác để thanh toán tiền chuyển nhượng nhà đất cho ông M và bà O, nhưng ông M không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, nên HĐXX có đủ cơ sở để xác định: tính đến ngày 27/5/2022 ông M và bà O còn nợ bà N số tiền 6.678.000.000 đồng.

[3.5] Đối với ý kiến của ông M và bà O cho rằng từ năm 2021 có vay nhiều lần của bà N với tổng số tiền 8.500.000.000 đồng và cũng từ thời gian đó đến tháng 4/2023 ông M và bà O đã trả nợ nhiều lần cho bà N với số tiền 6.020.000.000 đồng (trong đó trước ngày 27/5/2022 đã trả số tiền 4.580.000.000 đồng và sau ngày 27/5/2022 đã trả số tiền 1.140.000.000 đồng). Lời trình bày của ông M và bà O phù hợp với bản sao kê tài khoản của ông Tôn Thất Bảo M tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Trần Quang Khải.

Ngoài ra, ông M và bà O còn cho rằng bà N đã cấn trừ tiền chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ 74/42 đường T, Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 2.500.000.000 đồng (trong số tiền 8.500.000.000 đồng mà ông M và bà O vay của bà N), nhưng tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của bà N cho rằng bà N đã giao tiền mặt cho ông M và bà O số tiền 2.500.000.000 đồng chứ không chuyển khoản qua Ngân hàng.

[3.6] HĐXX xét thấy, như đã nhận định ở phần [3.4] thì tính đến ngày 27/5/2022 thì ông M và bà O còn nợ bà N số tiền 6.678.000.000 đồng, như vậy số tiền 4.580.000.000 đồng mà ông M và bà O trả cho bà N cũng như số tiền 2.500.000.000 đồng cấn trừ đối với giao dịch chuyển nhượng nhà đất (nếu có) đã được thực hiện trước khi chốt số nợ nên không xem xét. Tại phiên tòa, các đương sự cùng xác định sau ngày 27/5/2022 ông M và bà O trả cho bà N nhiều lần với số tiền 1.440.000.000 đồng, lời trình bày của các đương sự phù hợp với bản sao kê tài khoản của ông M và bà N tại Ngân hàng. Do vậy bà N yêu cầu ông M và bà O phải trả số tiền 5.238.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[3.7] Mặt khác, theo trình bày của ông M thì ngày 21/4/2023 ông M và bà O trả nợ lần sau cùng cho bà N, nhưng tại Vi bằng số 78/2025/VB-TPLTN ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Văn phòng Thừa phát lại Thống Nhất thể hiện ngày 26/7/2023 ông M có tin nhắn cho bà N với nội dung: *"Chị N, Em M. Em đồng ý nhận việc khoản vay chị, cho em gặp chị làm việc được không"* và tại Vi bằng số 79/2025/VB-TPLTN ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Văn phòng Thừa phát lại Thống Nhất thể hiện ngày 26/7/2023 ông M có tin nhắn cho bà N với nội dung: *"Chị. Cho em làm giấy. Bù qua lại. Nhận nợ chị 3 tỷ. Trả trong 2 năm. Được không chị"*. Tại phiên tòa ông M thừa nhận có nhắn tin với nội dung như trên cho bà N, nhưng ông M cho rằng thời gian đó tâm trí căng thẳng và cần vay tiền nên mới nhắn tin như trên nhưng ông M không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Hơn nữa ông M cũng không chứng minh được khoản nợ theo nội dung tin nhắn trên là của giao dịch khác nên bà N khởi kiện ông M và bà O phải trả số tiền 5.238.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3.8] Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của bà N cho rằng bà N đã giao tiền mặt là 2.500.000.000 đồng và chuyển khoản số tiền 8.500.000.000 đồng cho ông M và bà O, còn ông M và bà O còn cho rằng bà N đã cấn trừ tiền chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ 74/42 đường T, Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 2.500.000.000 đồng và chuyển khoản số tiền 8.500.000.000 đồng cho ông M và bà O. Do vậy, nếu các bên đương sự có tranh chấp đối với Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ 74/42 đường T, Phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4] Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thanh N về việc buộc ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O trả số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 862.553.918 đồng:

Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2022 giữa ông M và bà O với bà N là hợp đồng vay không có lãi và có xác định thời hạn đến hết ngày 09/6/2022. Như vậy, kể từ ngày 10/6/2022 thì ông M và bà O phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng cho đến thời điểm

tháng 4/2023 ông M, bà O mới trả bà N được số tiền là 1.440.000.000 đồng. Tại phiên toà, bà N yêu cầu ông M và bà O phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất 6,5%/năm trên số tiền nợ. Xét thấy mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ mà bà N yêu cầu là phù hợp với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và có lợi cho người phải thực hiện nghĩa vụ nên cần được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông M và bà O phải trả bà N số tiền lãi theo từng thời điểm với số tiền 862.553.918 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy Toà án cấp sơ thẩm đã buộc ông M và bà O phải trả cho bà N tổng số tiền là 6.100.553.918 đồng (trong đó tiền gốc là 5.238.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 862.553.918 đồng) là có căn cứ. Do vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông M và bà O và giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Xét lời đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000 đồng + (2.100.553.918 đồng x 0,1%) = 114.100.553 đồng.

- Bà Huỳnh Thị Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.891.376 đồng theo Biên lai thu số 0000009 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004885 ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 280, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O. Giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 160/2024/DS-ST ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Tranh chấp hợp đồng vay tiền"* của bà Huỳnh Thị Thanh N đối với ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O.

1. Buộc ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O phải trả cho bà Huỳnh Thị Thanh N số tiền vay là 5.238.000.000 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 862.553.918 đồng, tổng cộng là 6.100.553.918 đồng *(Sáu tỷ một trăm triệu năm tram năm mươi ba nghìn chin trăm mười tám đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O phải chịu là 114.100.553 đồng.

+ Bà Huỳnh Thị Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.891.376 đồng theo Biên lai thu số 0000009 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm ông Tôn Thất Bảo M và bà Dương Kiều O phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004885 ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng